

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST  
Ngày: 25-6-2025.  
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Phước Tự

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Khon
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hồng Nhân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 25 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***- Bị đơn:*** Bà Võ Thị Minh H, sinh năm: 1965 (vắng mặt có đơn xin vắng);

Nơi cư trú: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Võ Thị Minh H là: Ông Võ Phát T, sinh năm: 1974, luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: Số E, N, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

***- Người làm chứng:*** Ông Lê Duy T1, sinh năm: 1953 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2025, văn bản ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:*

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:* Bà S cho bà H vay tiền nhiều lần, không nhớ thời gian nào, cộng dồn lại là 495.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 1 tháng, mục đích vay tiền để mua bán thịt heo, không có làm biên nhận. Bà H không có trả cho bà S được số tiền gốc và lãi nào khác, bà S cung cấp chứng cứ chứng minh bà H nợ tiền của bà S là sổ nợ do bà S tự ghi không có chữ ký, chữ viết của bà H. Nay bà S yêu cầu cá nhân bà H trả lại số tiền nợ 495.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Võ Thị Minh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Phát T trình bày:* Bà H có nhận được Thông báo thụ lý vụ án về việc bà S yêu cầu bà H trả lại số tiền 495.000.000đ. Bà H không có vay tiền của bà S và cũng không có thiếu nợ bà S. Nay bà H không đồng ý trả lại bà S số tiền 495.000.000đ do không có vay tiền của bà S, bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc cho bị đơn vay tiền nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người làm chứng ông Lê Duy T1 trình bày:* Chỉ chờ bà S đi đòi nợ bà H, nhưng không gặp bà H và cũng không biết nợ bao nhiêu, không thấy hai bên giao nhận tiền.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S buộc bà Võ Thị Minh H có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ là 495.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn bà Võ Thị Minh H cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Bà S yêu cầu bà H trả lại số tiền vay còn nợ là 495.000.000đ, không nhớ thời gian cho vay, không có biên nhận, mục đích vay để

mua bán, thời hạn trả là sau 01 tháng kể từ ngày nhận tiền vay, nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2025, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Võ Thị Minh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/5/2025. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà S yêu cầu bà H trả lại số tiền vay còn nợ là 495.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất, nhưng bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ. Ngoài đơn khởi kiện ngày 09/4/2025, bà S còn cung cấp sổ tay ghi nợ do chính bà S ghi không có bút tích gì của bà H trong việc vay hoặc trả tiền, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác. Người làm chứng do bà S cung cấp đã xác định chỉ chờ bà S đi đòi nợ bà H 02 lần nhưng không biết số tiền bao nhiêu và cũng không thấy hai bên giao nhận tiền với nhau. Mặt khác, bị đơn bà H không thừa nhận việc có vay tiền của bà S nên yêu cầu khởi kiện của bà S không có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu bà H có trách nhiệm cá nhân trả lại cho bà S số tiền còn nợ gốc là 495.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà S không được chấp nhận, bà S là người cao tuổi (69 tuổi) và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí ngày 14/4/2025 nên bà S được miễn nộp toàn bộ số tiền tạm ứng án phí và án phí.

Bị đơn bà Võ Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với bà Võ Thị Minh H về việc bà Nguyễn Thị S yêu cầu bà Võ Thị Minh H trả lại số tiền vay còn nợ là 495.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 23.800.000đ (*Hai mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng*), do bà S là người cao tuổi (69 tuổi) và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí ngày 14/4/2025 nên bà Nguyễn Thị S được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí nêu trên.

Bị đơn bà Võ Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/6/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- CTTĐT Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Phước Tự**